

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định về Phí sử dụng Cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 12 về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về Phí sử dụng Cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát như sau:

1. Đối tượng nộp: Các tổ chức, cá nhân có hàng hóa, phương tiện sử dụng tại Cảng cá Đề Gi.

2. Đối tượng miễn nộp:

- a) Các tổ chức, cá nhân có tàu thuyền neo đậu để tránh bão.
- b) Các đơn vị làm nhiệm vụ công vụ như: Biên phòng, Quân đội, Công an, Cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu.

3. Mức thu phí: như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Cơ quan thu: Ban Quản lý Cảng cá Quy Nhơn.

5. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu:



Cơ quan thu phí được trích để lại 100% số phí thu được để thực hiện chi theo quy định.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế quy định về phí sử dụng Cảng cá Đề Gi tại Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 15/8/2007 và Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh,
- Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TTTH, TTCB tỉnh;
- Lưu: VT, K13, K17. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

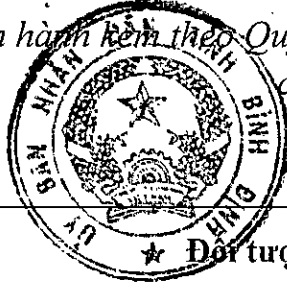


Trần Châu

Phụ lục

MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG CẢNG CÁ ĐỀ GI, HUYỆN PHÙ CÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Đội tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
I	Tàu, thuyền các loại	Đồng/lần vào-ra cảng (không quá 12 giờ)	
1	Tàu, thuyền đánh cá		
	Có công suất dưới 20 CV	như trên (nt)	5.000
	Có công suất từ 20 CV đến 50 CV	nt	10.000
	Có công suất trên 50 CV đến 90 CV	nt	15.000
	Có công suất trên 90 CV đến 200 CV	nt	25.000
	Có công suất trên 200 CV	nt	40.000
2	Tàu, thuyền vận tải		
	Có trọng tải dưới 5 tấn	nt	10.000
	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	nt	20.000
	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	nt	50.000
	Có trọng tải trên 100 tấn	nt	70.000
II	Phương tiện vận tải	đồng/lần vào-ra cảng	
	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	nt	2.000
	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	nt	5.000
	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	nt	10.000
	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	nt	15.000
	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	nt	20.000
	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	nt	25.000
III	Hàng hóa qua cảng		
	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	9.000
	Hàng hóa là Container	đồng/container	40.000
	Các loại hàng hóa khác	đồng/tấn	5.000

*** Ghi chú:**

- Trường hợp cần quy định đơn vị tính khác thì tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng loại hàng hóa, phương tiện mà quy đổi cho phù hợp.

- Trường hợp tàu thuyền các loại neo đậu quá 12 giờ theo quy định nêu trên thì cứ 01 giờ tăng thêm mức thu phí bổ sung được quy định: Mức thu tương ứng/giờ + 10% mức thu tương ứng/giờ./.

Đe